

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Ngữ Văn - Khối 11

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I

I. Đọc – Hiểu (3,0 đ)

- VB đọc hiểu là thơ, truyện hiện đại ngoài SGK.
- Số câu hỏi: 04 câu
- Mức độ/điểm: 2 câu NB (0,75đ/câu), 01 câu TH (1,0đ), 1 câu VD (0,5đ)

II. Làm văn (7,0 đ)

Câu 1 (2,0 đ). NLXH: Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) về một tư tưởng đạo lí.

Câu 2 (5,0 đ). NLVH:

- Dạng đề: Nghị luận về một nhân vật, đoạn trích văn xuôi.
- Miền kiến thức: 03 tác phẩm đã học trong chương trình: Chữ người tử tù; Hai đứa trẻ; Chí Phèo.

(Đề có kèm theo đoạn văn bản cần phân tích).

B. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. ĐỌC HIỂU

- Các văn bản ngoài chương trình, thuộc văn học giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng 8-1945.

- Dạng câu hỏi :

1. Xác định phương thức biểu đạt
2. Xác định biện pháp tu từ phép điệp, phép đối, ý nghĩa, tác dụng của bptt trong văn bản.
3. Nội dung thể hiện trong văn bản...
4. Quan điểm, bài học rút ra...

II. LÀM VĂN

1. Nghị luận xã hội: (2,0 điểm)

Đoạn văn khoảng 150 chữ; Nội dung qua ngữ liệu đọc hiểu; Nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

Nghị luận văn học: (5,0 điểm): Kiến thức cơ bản và dạng đề ôn tập về các văn bản đã học trong HK I

- a. Hai đứa trẻ - Thạch Lam
- b. Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân
- c. Chí Phèo – Nam Cao

“HAI ĐỨA TRẺ” - THẠCH LAM

Kiến thức cơ bản:

- a. Những nét chính về tác giả Thạch Lam:

- Thạch Lam (1910-1942) tên thật là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi là Nguyễn Tường Lân).

- Ông là nhà văn, nổi tiếng về truyện ngắn. Viết xúc động về người nghèo, những em bé nhà nghèo. Phong cách sáng tác: văn phong nhẹ nhàng, tinh tế với tấm lòng xót thương, nhân hậu; chất thơ man mác trong văn xuôi.

- Tác phẩm - Các tập truyện ngắn: “Gió đầu mùa” (1977), “Nắng trong vườn” (1938), “Sợi tóc” (1942), Tập tùy bút “Hà Nội 36 phố phường”...

b. Tác phẩm hai đứa trẻ:

- Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” rút trong tập “Nắng trong vườn” (1938)

- Tác phẩm nói lên lòng xót thương đối với những kỷ niệm và ước mơ bình dị, cảm động của những con người nơi phố huyện nghèo ngày xưa.

Nội dung

2.1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn

a. Cảnh thiên nhiên:

- Âm thanh: tiếng trống thu không, tiếng ếch nhái ngoài đồng ruộng, tiếng muỗi vo ve...

- Hình ảnh, màu sắc: phương tây đỏ rực như lửa cháy...

- Đường nét: dãy tre làng cắt hình trên nền trời.

-> Quen thuộc, bình dị, chốn thôn quê.

b. Cảnh chợ tàn và những kiếp người nơi phố huyện

* Cảnh chợ tàn

- Chợ vắng, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.

- Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị

* Con người

- Mấy đứa trẻ con nhà nghèo

- Mẹ con chị Tí

- Bà cụ Thi

- Bác Siêu

- Gia đình bác xẩm

-> Cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ, nghèo đói, tối tăm.

2.2. Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya

a. Hình ảnh của “bóng tối” và “ánh sáng”

- Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối.

- Ánh sáng của sự sống nhỏ bé, lay lắt.

- Bức tranh tương phản biểu trưng cho những kiếp người nhỏ bé sống leo lét, tàn lụi trong đêm tối của xã hội cũ.

b. Đời sống của những kiếp người nghèo khổ trong bóng tối.

Cuộc sống quanh quẩn, nghèo khổ, không hi vọng, đơn điệu không lối thoát.

2.3. Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ tàu của hai chị em Liên và An

a. Hình ảnh chuyến tàu

- Dấu hiệu đầu tiên: ngọn lửa xanh biếc, tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi.
- Khi tàu đến: toa đèn sáng, lò nhỏ người, đồng và kèn lấp lánh, cửa kính sáng...
- Khi tàu đi vào đêm tối: đốm than đỏ, chiếc đèn xanh xa xa...

b. Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh đoàn tàu

- Biểu tượng cho một thế giới đáng sống: giàu sang, ánh sáng, đông vui, nhộn nhịp...
- Hình ảnh của Hà Nội với kí ức tuổi thơ của hai chị em.
- Khát vọng vượt qua cuộc sống tù túng, quẩn quanh.

c. Tâm trạng chờ tàu của Liên và An.

- Trước khi tàu đến: hồi hộp, náo nức
- Khi tàu đến: vui sướng, hạnh phúc, mơ mộng
- Khi tàu qua: băng khuâng, nuối tiếc.

=> Thông điệp nhà văn: khích lệ, động viên hướng con người hãy cố gắng vươn ra ánh sáng, hướng tới ngày mai. Đây cũng là giá trị nhân đạo của tác phẩm.

2.4. Tổng kết

a. Nghệ thuật:

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật là dòng cảm xúc tâm trạng.
- Bút pháp tương phản đối lập
- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giọng văn nhẹ nhàng giàu chất thơ.

b. Nội dung

Niềm cảm thương sâu sắc của tác giả với những kiếp người nghèo khổ và trân trọng với những ước mơ nhỏ bé, bình dị mà tha thiết của họ.

Đề minh họa:

Đề 1: Phân tích bức tranh chiều tàn ở phố huyện nghèo trong tác phẩm “ Hai đứa trẻ” của Thạch Lam.

Đề 2: Vì sao chị em Liên có thức đợi tàu? Ý nghĩa?

Đề 3: Phân tích tâm trạng của hai chị em Liên trong đoạn trích sau:

- Đèn ghi đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trôi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo ngọn gió xa xôi. Liên đánh thức em:

- Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhồm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng ló nhô những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

- Tàu hôm nay không đông, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về ! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng. "

(Trích Hai đứa trẻ - Thạch Lam, SGK Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011)

“CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ” - NGUYỄN TUÂN

1. Kiến thức cơ bản:

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Nguyễn Tuân: Một cây bút tài hoa độc đáo, có vị trí quan trọng trong nền văn học hiện đại Việt Nam

- Khái quát chung về tác phẩm Chữ người tử tù: Một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách tài hoa nghệ sĩ của ông, được in trong tập Vang bóng một thời (1940)

- Nội dung: Khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối; của cái đẹp, cái thiện đối với cái xấu, cái ác qua việc xây dựng hình tượng nhân vật Huân Cao

- Nghệ thuật:

+ Tạo tình huống truyện độc đáo.

+ Bút pháp tương phản đối lập

+ Xây dựng thành công nhân vật lí tưởng Huân Cao

+ Ngôn ngữ góc cạnh giàu hình ảnh có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại

2. Nội dung

2.1. Tình huống truyện

* Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường trong tình thế đối nghịch, éo le:

- Xét trên bình diện xã hội:

+ Quản ngục là người địa diện cho trật tự xã hội, có quyền giam cầm, tra tấn.

+ Huân Cao là người nổi loạn, đang chờ chịu tội.

- Xét trên bình diện nghệ thuật:

+ Họ đều có tâm hồn nghệ sĩ.

+ Huân Cao là người tài hoa: coi thường, khinh bỉ những kẻ ở chốn nhơ nhuốc.

+ Quán ngục: biết quý trọng, tôn thờ cái đẹp, yêu nghệ thuật thư pháp, xin chữ Huấn Cao.

- Kịch tính lên đến đỉnh điểm khi viên quán ngục nhận lệnh chuyển các tử tù ra pháp trường.

→ Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữ cái đẹp cái thiên lương >< quyền lực tội ác. → cái đẹp, cái thiên lương đã thắng thế.

2.2. Nhân vật Huấn Cao

a. Về đẹp tài năng.

- Tài năng của Huấn Cao được miêu tả gián tiếp qua lời đồn: “...hay là người mà vùng tỉnh Sơn vẫn khen là có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp”

- Lời ngợi ca và mơ ước cháy bỏng của Viên Quán Ngục: “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm có được chữ của ông Huấn là như có một vật báu trên đời”.

- Qua hành động và thái độ bất chấp tính mạng của Viên Quán ngục.

=>Huấn Cao là một nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp. Qua đó nhà văn Nguyễn Tuân bộc lộ sự ngưỡng mộ, trân trọng với những người tài hoa và nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.

b. Về đẹp khí phách.

- Trước khi vào ngục:

+ Là thủ lĩnh trong phong trào chống lại triều đình

- Khi vào ngục:

+ Không thềm chấp, không thềm để ý đến câu nói của những tên lính

+ Hành động “dỗ gông”

-> thái độ coi thường chốn ngục tù.

- Thản nhiên nhận rượu thịt như một việc vẫn làm trong cái húng sinh bình -> phong thái tự do, ung dung, coi thường cái chết.

- Trả lời Viên Quán Ngục bằng thái độ khinh miệt: “Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây nữa” -> không quy lụy trước cường quyền.

=> Huấn Cao là trang anh hùng dũng liệt, khí phách hiên ngang, bất khuất.

c. Về đẹp tâm hồn

- Không vì vàng ngọc mà ép mình viết câu đối -> là người trọng nghĩa khinh lợi

- Khi biết được tấm lòng của Viên Quán Ngục, Huấn Cao đồng ý cho chữ: chỉ cho chữ những người biết trọng cái tài, quý cái đẹp

- Câu nói : “thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”: thể hiện tấm lòng trân trọng những người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp.

=> Cái Tâm trong sáng, cao cả

=> Bằng bút pháp lãng mạn, Nguyễn Tuân đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Huân Cao: một người vừa có Tài, vừa có Tâm. Hiên ngang, bất khuất trước cái xấu, cái Ác; mềm lòng trước cái Đẹp, cái Thiện.

2.3. Nhân vật Quán ngục.

- Làm nghề coi ngục (Cái xấu và cái ác) nhưng lại là người có tâm hồn nghệ sĩ, coi trọng cái đẹp, có tấm lòng “Biệt nhỡn liên tài”.

- Say mê kính trọng tài hoa và nhân cách anh hùng của Huân Cao

- Dám bất chấp luật pháp, làm đảo lộn trật tự trong nhà tù, biến một kẻ tử tù thành thần tượng để tôn thờ.

-> Ngục quan có những phẩm chất khiến HC cảm kích coi là “ một tấm lòng trong thiên hạ” và tác giả coi đó là “ một thanh âm trong trời...”.

2.4. Cảnh Huân Cao cho chữ viên quán ngục - một cảnh tượng xưa nay chưa từng có.

* Hoàn cảnh cho chữ xưa nay chưa từng có.

- Không gian – địa điểm: diễn ra giữa chốn ngục tù, trong căn buồng gian chật hẹp, ẩm ướt, hôi hám (tường đầy... phân gián).

- Thời gian- cách thức cho chữ: diễn ra bí mật, vào lúc đêm khuya khi “trại giam tỉnh Sơn... vọng canh”.

- Nghệ thuật:

+ Đối lập, tương phản

→ Sự đối lập tương phản giữa ánh sáng và bóng tối; cái thiện và cái ác; cái cao cả và cái thấp hèn; cái đẹp và sự tầm thường, đề tiện...

* Tư thế, vị thế của người cho chữ, người nhận chữ xưa nay chưa từng có.

- Tư thế:

+ Người cho chữ: kẻ tử tù “cổ đeo gông, chân vướng xiềng” và chỉ sáng sớm tinh mơ ngày mai là đã bị giải vào kinh chịu án tử hình nhưng lại uy nghi, đường bệ, say mê tô từng nét chữ.

+ Người xin chữ - thầy thơ lại và viên quán ngục: là những kẻ có quyền hành thì kẻ “khúm núm”, người “run run”.

- Vị thế:

+ Kẻ có quyền hành thì không có uy quyền, uy quyền thuộc về HC, kẻ bị tước mọi thứ quyền.

+ Kẻ nắm quyền sinh quyền sát thì khúm núm, sợ sệt, người tử tù thì đường bệ, hiên ngang.

+ Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm thì giờ đây đang được tội phạm giáo dục, còn mình thì thành kính lĩnh nhận từng lời như nhận những lời di huấn thiêng liêng về nhân cách, về lẽ sống của một bậc hiền minh cao cả.

b. Lời khuyên của Huân Cao và lời nói, hành động của viên quán ngục.

- Lời khuyên: “Ta khuyên... lương thiện đi”

→ Lời khuyên là lời di huấn thiêng liêng của người tử tù.

- Quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Tuân: cái đẹp có thể ra đời ở mọi nơi nhưng cái đẹp không thể chung sống với cái xấu xa, cái ác bởi bản chất của cái đẹp là cái thiện.

- Hành động bái lạy trong lời nó nghẹn ngào của ngục quan trước lời di huấn của người tử tù: “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

→ Sức cảm hoá mạnh mẽ của cái thiện, cái đẹp đối với con người. Bằng con đường của trái tim, sức mạnh ấy càng được nhân lên gấp bội.

Tóm lại: Cảnh cho chữ thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm.

2.5. Tổng kết

a. Nội dung.

Chữ người tử tù khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng, cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.

b. Nghệ thuật.

- Tạo dựng tình huống truyện độc đáo, đặc sắc (cuộc gặp gỡ và mối quan hệ éo le, trở trêu giữa viên quản ngục và Huân Cao).

- Sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương phản.

- Xây dựng thành công nhân vật Huân Cao, con người hội tụ nhiều vẻ đẹp.

- Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính, vừa hiện đại.

Đề thi minh họa

Đề 1: Tình huống truyện độc đáo trong “Chữ người tử tù”

Đề 2: Hình tượng nhân vật Huân Cao

Đề 3: Hình tượng nhân vật Quản ngục

Đề 4: Phân tích cảnh cho chữ

“CHÍ PHEÒ” - NAM CAO

1. Kiến thức cơ bản:

- Vài nét về Nam Cao và truyện ngắn Chí Phèo: Một nhà văn như một tấm gương lớn về nhà văn-chiến sĩ, lòng say mê nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Chí Phèo là một tác phẩm tiêu biểu kết tinh tài năng nghệ thuật của ông

- Trong truyện ngắn, hình tượng trung tâm Chí Phèo là một nhân vật với nhiều bi kịch của kiếp người để lại trong lòng độc giả những dư âm sâu sắc

- Nội dung: Tác phẩm tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân phong kiến tàn bạo đã cướp đi nhân hình lẫn nhân tính của con người nông dân lương thiện. Đồng thời nhà văn phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi họ đã biến thành quỷ dữ.

- Nghệ thuật:

+ Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo

+ Ngôn ngữ giản dị diễn đạt độc đáo.

+ Kết cấu truyện mới mẻ

+ Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.

2. Nội dung

2.1. HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT CHÍ PHEO

2.1.1 Sự xuất hiện độc đáo của nhân vật

- Mở đầu tác phẩm là hình ảnh: Chí Phèo vừa đi vừa chửi - tiếng chửi cùng song hành trong cuộc đời Chí- tiếng chửi báo hiệu một Chí Phèo lưu manh, cô độc.

- Nguyên nhân: Say chỉ một phần; bởi cái say, cái tỉnh luôn song song tồn tại trong con người Chí.

- Ý nghĩa tiếng chửi:

+ Tiếng chửi là phản ứng của Chí đối với cuộc đời, bộc lộ tâm trạng bất mãn cao độ khi bị làng xóm, xã hội gạt bỏ.

+ Bộc lộ sự bất lực, tuyệt vọng của một con người cô đơn khùng khiếp muốn giao tiếp với đồng loại nhưng bị đồng loại cự tuyệt. Tiếng chửi của Chí là âm thanh bi thiết của một tâm hồn vừa chống trả, vừa kêu cứu.

- Nghệ thuật: Vừa kể, vừa tả, vừa biểu hiện tâm lí rất đặc sắc; ngôn ngữ nhân vật hòa nhập ngôn ngữ tác giả.

2.1.2 Cuộc đời Chí Phèo

a. Trước khi đi ở tù.

* Lai lịch, nguồn gốc

- Xuất thân: mồ côi, bị bỏ rơi ở cái lò gạch cũ

* Lớn lên:

- Phải đi ở hết nhà này cho nhà khác, sống cuộc sống bơ vơ không nơi nương tựa.

- Năm 20 tuổi: Làm canh điền cho nhà Bá Kiến.

+ Cuộc sống: nghèo khổ.

+ Con người: anh canh điền lương thiện

+ Là một con người có lòng tự trọng: khi bị bà vợ ba bá Kiến sai làm những “việc không chính đáng”, anh nông dân hiền lành hai mươi tuổi ấy mặc dù không phải gỗ đá nhưng “chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì”.

+ Chí có ước mơ giản dị về hạnh phúc: “ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn, cày thuê. Vợ dệt vải (...)bỏ một con lợn nuôi làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm va sào ruộng làm”.

□ Trước khi đi ở tù: số phận bất hạnh nhưng là người nông dân nghèo, hiền lành, lương thiện.

b. Bị kịch bị tha hóa

* Sự tha hóa từ anh canh điền lương thiện trở thành tên lưu manh:

Nguyên nhân: do sự ghen tuông vu vợ của Bá Kiến. Nhà tù không những tước mất của Chí quyền tự do mà còn biến Chí trở thành con người khác.

Biểu hiện:

- Ngoại hình (Nhân hình):

+ Diện mạo: “cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà lại rất cong cong, hai mắt guồm guồm trong góm chết...”

→ Ngoại hình: mang hình dáng của một thằng lưu manh.

- Lời nói và hành động (Nhân tính):

+ Triền miên trong những cơn say: “Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngòl uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều”.

+ Sống bằng nghề gây gỗ, chửi bới, dọa nạt, rạch mặt ăn vạ

* Sự tha hóa từ thằng lưu manh trở thành con quỷ dữ của làng VĐ:

Nguyên nhân: Do bị BK gian xảo lợi dụng

Biểu hiện:

+ Chí trượt dài trên con đường tha hóa.

+ Bàn tay Chí vấy đầy máu: hắn trở thành một kẻ đâm thuê, chém mướn, “phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện”.

+ Khuôn mặt của Chí “không còn phải là mặt người” mà nó là “mặt của một con vật lạ”, vừa “vàng vàng mà lại muồn xạm màu gio; nó vẫn dục vẫn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là vết sẹo”

□ Tóm lại: Từ một anh canh điền lương thiện, Chí đã biến thành một “con quỷ dữ của làng Vũ Đại”.

c. Sự hồi sinh của CP sau khi gặp thị Nở.

* Diễn biến tâm trạng của Chí sau khi gặp thị Nở, được thị chăm sóc

Sự thức tỉnh trong tâm lí:

- Tỉnh rượu: Lần đầu tiên sau hơn mười năm Chí Phèo tỉnh rượu, hết say và hoàn toàn tỉnh táo.

+ Chí cảm nhận được “Mặt trời đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ”.

+ Chí nghe thấy, cảm nhận thấy những âm thanh quen thuộc của cuộc sống xung quanh

+ Chí thấy lòng “bâng khuâng” và “mơ hồ buồn”.

- Tỉnh ngộ: Nghĩ về cuộc đời mình:

+ Trước hết, hắn “nao nao buồn” nhớ về những ngày “rất xa xôi”, nhớ một thời hắn đã từng ao ước “có một gia đình nho nhỏ...”.

+ Quay về hiện tại, Chí thấy cuộc đời mình cũng thật đáng buồn bởi hắn thấy mình đã già mà hắn vẫn đang cô độc.

+ Tương lai: càng đáng buồn hơn, không chỉ buồn mà còn là lo sợ bởi hắn “đã trông thất trước” quá nhiều điều bất hạnh: “tuổi già”, “đói rét và ốm đau” và nhất là sự “cô độc” (đối với Chí, “cô độc” còn đáng sợ hơn “đói rét và ốm đau”).

→ Như vậy, sau những ngày tháng sống trong vô thức, Chí đã tỉnh táo suy nghĩ, nhận thấy tình trạng bi đát, tuyệt vọng của cuộc đời mình.

- Từ tình ngộ, CP khát khao hoàn lương và khát khao hạnh phúc:

Nguyên nhân: nhờ vào bát cháo hành của thị Nở.

Diễn biến tâm trạng:

+ Chí hết sức ngạc nhiên và xúc động mạnh.

+ Chí băng khuâng, vui buồn lẫn lộn.

+ Chí khao khát được trở lại làm người, một người dân hiền lành lương thiện.

+ Chí khao khát hạnh phúc, khao khát có một mái ấm gia đình.

+ Chí đã tìm ra con đường để thực hiện khao khát mãnh liệt đó của mình: đó là thị Nở.

“Thị Nở sẽ mở đường cho hấn”.

* Ý nghĩa cuộc gặp gỡ thị Nở:

Cuộc gặp gỡ với thị Nở (cuộc tình và trận ốm) đã thức tỉnh phần người bấy lâu nay bị vùi lấp ở Chí để hấn trở về sống kiếp người một cách tự nhiên. Chính sự quan tâm, chăm sóc của thị Nở đã giúp Chí Phèo cởi bỏ được cái vỏ “quỷ dữ” để sống lại làm người.

* Giá trị nhân đạo:

Qua sự thức tỉnh hồi sinh kiếp người của CP, NC đã khẳng định sức sống bất diệt của “thiên lương” và khát khao hạnh phúc, đó là bản tính tốt đẹp của con người. Ngay cả khi bị tha hóa thì bản chất lương thiện đó như ngọn lửa cháy âm ỉ, gặp ngọn gió của tình yêu thương sẽ bùng lên mạnh mẽ.

d. Bị kích bị cự tuyệt quyền làm người của Chí (Diễn biến tâm trạng của Chí kể từ sau khi bị thị Nở từ chối).

* Nguyên nhân:

+ Trực tiếp: Do bị thị Nở cự tuyệt

+ Gián tiếp: Do sự ngăn cản của bà cô thị Nở, cả xã hội làng Vũ Đại đã không chấp nhận Chí.

* Bị kích bị cự tuyệt quyền làm người.

- Khi bị thị Nở giận dữ trút vào mặt tất cả lời của bà cô:

+ Chí cười bởi tưởng thị Nở đùa với mình, bởi đang say sưa trong hạnh phúc, say sưa với ước nguyện được trở lại làm người lương thiện.

+ Ngồi nghĩ ngợi rồi ngẩn người: ngỡ ngàng và chột hiều ra.

+ Hấn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì, trong hấn như thoảng thấy hơi cháo hành: buồn đau, thất vọng. (nhưng chưa tuyệt vọng)

- Khi thị Nở về “Hấn sừng sốt, đứng lên gọi lại”, “Hấn đuổi theo thị nắm lấy tay”.

- Khi thị Nở dứt khoát, quyết tâm cự tuyệt với Chí: Chí đã uống rượu nhưng không say mà càng uống càng tỉnh ra, hấn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành và hấn đã “ôm mặt khóc rung rức”

- CP giải quyết bi kịch: đâm chết kẻ thù và tự kết liễu mình →Việc làm này chứng tỏ Chí đã rơi vào tình cảnh tuyệt vọng, cùng đường, không lối thoát.

*Đánh giá hành động của Chí và lí giải nguyên nhân:

Việc Chí đến nhà bá Kiến và đâm chết kẻ thù:

- Đánh giá: Là một hành động bất ngờ (bởi trước đó Chí không hề có ý định đến nhà bá Kiến) nhưng lại hợp lí, việc làm đó không phải là việc làm thiếu suy nghĩ. Vậy nguyên nhân từ đâu mà Chí lại hành động như vậy?

- Nguyên nhân:

+ Như sự bình luận của Nam Cao “những thằng điên và những thằng say không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm”.

+ Nguyên nhân sâu xa: chưa bao giờ Chí quên kẻ đã làm hại cuộc đời mình.

→ Chí Phèo đâm chết bá Kiến không hẳn vì say rượu mà vì mối thù đã bùng cháy.

- Ý nghĩa cái chết của Chí:

+ Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người.

+ Tố cáo mãnh liệt cái xã hội thực dân nửa phong kiến không những đẩy người nông dân lương thiện vào con đường bần cùng hóa mà còn đẩy họ vào chỗ chết.

+ Tình trạng xung đột giai cấp ở nông thôn VN trước CMT8 là hết sức gay gắt và chỉ có thể được giải quyết bằng những biện pháp quyết liệt.

2.2. TỔNG KẾT.

a. Nội dung.

Tố cáo mạnh mẽ xã hội thuộc địa phong kiến tàn bạo đã cướp đi cả nhân hình và nhân tính của người nông dân lương thiện, đồng thời, nhà văn cũng phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi tưởng như họ đã bị biến thành quỷ dữ.

b. Giá trị của tác phẩm.

* Giá trị hiện thực: phản ánh tình trạng một bộ phận người nông dân bị tha hóa, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ, giữa các thế lực ác bá ở địa phương.

* Giá trị nhân đạo: cảm thương sâu sắc trước cảnh người nông dân cố cùng bị lãng nhục; phát hiện và miêu tả phẩm chất tốt đẹp của người nông dân ngay khi tưởng như họ bị biến thành thú dữ; niềm tin vào bản chất lương thiện của con người.

c. Nghệ thuật.

- Xây dựng những nhân vật điển hình vừa có ý nghĩa tiêu biểu vừa sống động, có cá tính độc đáo và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.

- Kết cấu truyện mới mẻ, tưởng như tự do nhưng lại rất chặt chẽ, lo gích.

- Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.

- Ngôn ngữ sống động, vừa điều luyện lại gần gũi tự nhiên; giọng điệu đan xen biến hóa, trần thuật linh hoạt.

Đề thi minh họa:

Đề 1: Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo từ khi gặp Thị Nở đến lúc chết

Đề 2: Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo.

Đề 3: Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Chí Phèo qua đoạn trích sau:

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài là đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi tờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài trời vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hẳn tỉnh. Hẳn băng khuâng như tỉnh dậy, hẳn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hẳn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tý. Hẳn sợ rượu cũng như những người ốm sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá.

Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hẳn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu đi ạ.
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi.

Chí Phèo đoán một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hẳn nôn nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hẳn một cái gì rất xa xôi. Hình như có múng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hẳn thấy già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hẳn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hẳn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hẳn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hẳn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

(Trật thời hẳn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, chch Chí Phèo – Nam Cao, Ngữ văn 11, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr.149)

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT VÀ THI ĐẠT KẾT QUẢ CAO !